日本語で
あなたらしい未来を
切り開こう

Sử dụng tiếng Nhật
để khởi đầu một tương
lai phù hợp cho chính bạn
用日語開拓屬於
自己的未來

IGL 医療福祉専門学校

Trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL

IGL醫療福祉專門學校

留学生用案内 Hướng dẫn dành cho du học sinh 留學生簡章指引

日本語学科
Khoa Tiếng Nhật
日語學科

国際教養コミュニケーション学科
Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế
國際教養交流學科

介護福祉学科
Khoa Chăm sóc sức khỏe
介護福祉學科

鍼灸学科
Khoa Châm cứu
針灸學科

柔整学科
Khoa Jusei
柔整學科

口腔保健学科
Khoa Chăm sóc răng miệng
口腔保健學科

学校法人 IGL学園
IGL 医療福祉専門学校

〒731-3164 広島県広島市安佐南区伴東1丁目12-18
TEL.082-849-5001　FAX.082-849-5115
0120-849-501(国内)
http://www.igl.ac.jp/

IGL Medical and Welfare College
1-12-18 Tomohigashi,Asaminamiku,Hiroshima-shi,Hiroshima 731-3164
TEL.(81)82-849-5001 FAX.(81)82-849-5115

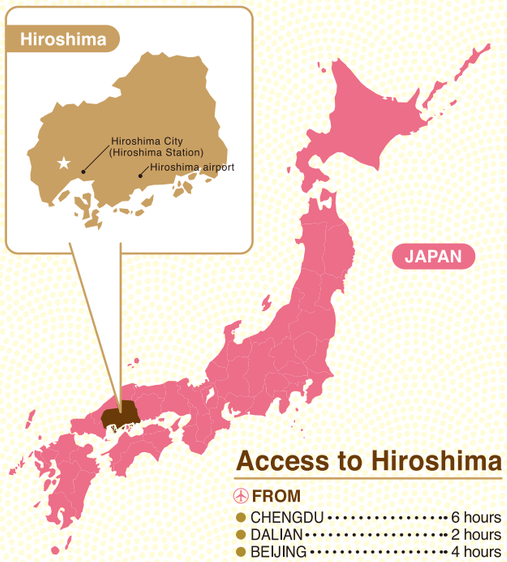

Access to Hiroshima

FROM

- CHENGDU ····· 6 hours
- DALIAN ····· 2 hours
- BEIJING ····· 4 hours
- SHANGHAI ····· 2 hours
- HA NOI ···· TAIPEI ···· about 8 hours
- HO CHI MINH ··· TAIPEI ··· about 8 hours
- SEOUL ····· 100 min

IGL医療福祉専門学校の特色

Đặc điểm của trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL

IGL 醫療福祉專門學校的特色

中国、四国地方最大の都市 広島に位置する
医療、福祉、国際の総合専門学校

Trường chuyên môn tổng hợp quốc tế bao gồm phúc lợi, y tế trực thuộc thành phố Hiroshima lớn nhất khu vưc Chugoku, Shikoku

座落在中國、四國地方最大的都市，廣島市中。集醫療、福祉、國際的綜合型專門學校

Message

IGL医療福祉専門学校は医療・福祉のスペシャリストを養成し続けてきたノウハウを結集し、外国人留学生のあなたに、国際的に活躍できる力を与えます。指導力のある教員が、実践的な日本語を教え、より高いレベルの日本語を駆使して、医療・福祉、その他多様な分野で活躍できる人材に育てます。IGL医療福祉専門学校はあなたの夢が実現できるよう全力でサポートします。

Trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL với những bí quyết và kinh nghiệm đào tạo chuyên viên phúc lợi, y tế sẽ tiếp sức cho các bạn du học sinh nước ngoài có thể hoạt động trong môi trường quốc tế. Nhà trường có đội ngũ giáo viên dày dặn kinh nghiệm giảng dạy giúp các bạn nâng cao trình độ tiếng Nhật đạt mức độ cao nhất. Đào tạo nguồn nhân lực đa dạng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như phúc lợi, y tế. Trường chuyên môn phúc lợi y tế IGL sẽ hỗ trợ hết khả năng giúp các bạn thực hiện ước mơ.

IGL醫療福祉專門學校汲取了近年來培養醫療・福祉方面專業人才的教學經驗，提供外國留學生的諸位在國際間的活躍能力。聘請有經驗的師資，教授實務性的日語，充分使用較高程度的日語，不僅醫療・福祉，還有培育其他在各種領域可活躍展現的人才。IGL醫療福祉專門學校為了實現你的夢想，竭盡所能的支持協助。

学校長
Hiệu trưởng
校長
野村 敏之
Toshiyuki Nomura

日本語学科
Khoa Tiếng Nhật　日語學科

2年制、1.5年制　2 năm,1 năm rưỡi

日本語で あなたらしい未来を切り開こう

Sử dụng tiếng Nhật để khởi đầu một tương lai phù hợp cho chính bạn　用日語開拓屬於自己的未來

日本の大学や専門学校進学に必要な日本語能力を身につけます。授業では、日本語だけでなく日本で生活するための知識や日本文化についても学びます。

Rèn luyện năng lực tiếng Nhật cần thiết khi học chuyển tiếp lên trường chuyên môn, Đại học của Nhật. Trong các giờ học không chỉ học tiếng Nhật để có thể sinh sống tại Nhật mà bạn còn học hỏi thêm kiến thức và nền văn hóa Nhật Bản.

研讀必要的日語能力，考上日本的大學還有專門學校。教授的課程中，不光是日語，還有在日本生活的常識以及日本文化的學習。

◀会話練習（レストランで注文）
Luyện tập hội thoại (hỏi cách chọn món ăn tại nhà hàng)
會話練習（在餐廳點餐）

国際教養コミュニケーション学科
Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế　國際教養交流學科

1年制　1 năm

より高いレベルの日本語力、コミュニケーション能力を習得する

Nâng cao năng lực tiếng Nhật và rèn luyện kỹ năng giao tiếp　學習較高級程度的日本語，增進日本語溝通能力

日本語教育機関を卒業後、難関大学や高いレベルの日本語習得を目指す留学生のための学科です。試験対策に力を入れると同時に、コミュニケーション能力や広い視野、高い論理的思考能力を身に付ける授業を行います。

Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế là khoa dành cho các du học sinh có mục tiêu nâng cao trình độ tiếng Nhật hơn nữa và chuẩn bị cho việc thi chuyển tiếp lên các trường Đại học danh tiếng sau khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật. Tập trung vào giờ học luyện thi đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, nâng cao khả năng tư duy, mở rộng tầm nhìn cho học sinh.

在日語學校畢業後，以上名流學校或是學習高級程度日語為目標的留學生所設計之學科。針對考試能力的教學對策，同時也對提高語言溝通能力，培養開闊視野和邏輯思考能力作為教學目標。

国家資格の取得を目指す4つの学科

Có 4 khoa học thi lấy chứng chỉ quốc gia

取得國家資格為目標的四個學科

介護福祉学科
Khoa Chăm sóc sức khỏe　介護福祉學科

2年制　2 năm

入管法改正後就労可　入管法改正後，可在日本就業

Sau khi luật Nhập cư sửa đổi có thể làm việc được tại Nhật

「介護福祉士」の資格取得をめざします。身体上または精神上の障がいにより日常生活を営むのに支障がある方に対し、心身の状況に応じた介護を行い、「その人らしい生活」を利用者と共に築いていきます。

Mục tiêu thi lấy chứng chỉ「chuyên viên chăm sóc sức khỏe」. Thực hiện chế độ chăm sóc sức khỏe phù hợp với tình trạng thể chất và tinh thần dành cho những bệnh nhân có chứng bệnh liên quan đến thân thể hoặc tâm lý khi gặp khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời xây dựng lên「cuộc sống sinh hoạt thích hợp nhất」cho mỗi người.

取得「介護福祉士」的資格為目標。針對身體上或是精神上的障礙，日常生活無法自主的人士，實施身心狀況的應對介護，和依賴主共同打造「像這個人的生活方式」。

鍼灸学科
Khoa châm cứu
針灸學科

3年制　3 năm

「はり師・きゅう師」の資格取得をめざします。体にあるツボ（経穴）や経絡を鍼やもぐさで刺激することで、人間が本来持つ自然治癒力を高め、治療します。

Mục tiêu thi lấy chứng chỉ「 bác sỹ châm cứu 」. Sử dụng mồi ngải, kim châm kích thích các kinh mạch, các huyệt trên cơ thể, theo phương pháp nâng cao khả năng chữa bệnh tự nhiên vốn có của con người.

取得「針・灸師」的資格為目標。用針還有藥草來刺激身體中的經絡穴道，提昇人體中原本就持有的自然免疫力來進行治療。

柔整学科
Khoa Jusei
柔整學科

3年制　3 năm

「柔道整復師」の資格取得をめざします。骨折、脱臼、打撲、捻挫、挫傷などの外傷に対し、整復・固定などの処置を施し、回復へと導いていきます。

Mục tiêu thi lấy chứng chỉ quốc gia「chuyên gia phục hồi Judo 」.Khôi phục, xử lý và cố định các vết thương khi bị chấn thương bên ngoài như vết thâm tím, bong gân, trật khớp xương, gãy xương.

取得「柔道整復師」的資格為目標。針對骨折、脫臼、打傷、扭傷、挫傷等等的外傷，作固定整復的處置措施，導正回復的作法。

口腔保健学科
Khoa chăm sóc răng miệng　口腔保健學科

3年制　3 năm

入管法「医療」で就労可　入管法「醫療」可就業

Theo luật Nhập Cư có thể làm việc tại Nhật trong lĩnh vực y tế

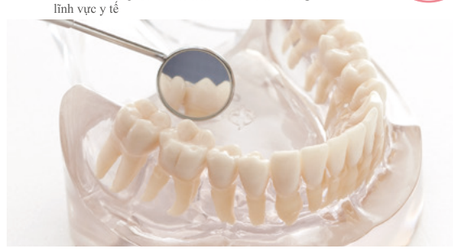

「歯科衛生士」の資格取得をめざします。歯科医師をサポートする「診療補助」、歯石の除去やフッ素の塗布を行う「予防措置」、食事やブラッシングのアドバイスをする「保健指導」などを行います。

Mục tiêu thi lấy chứng chỉ quốc gia chuyên viên chăm sóc răng miệng. Công việc của các chuyên viên chăm sóc răng miệng là hỗ trợ các bác sỹ nha khoa trong việc khám chữa bệnh, loại bỏ cao răng, bôi lớp bảo vệ răng miệng Flo. Tư vấn cách ăn uống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng.

取得「齒科衛生士」的資格為目標。協助牙醫師的「診療補助」，齒垢結石的清洗還有塗氟的「預防措施」，飲食、刷牙方式的等等建議，進行「保健指導」。

学科・コース紹介

Giới thiệu các khóa học・ngành học　學科課程介紹

IGL医療福祉専門学校

Trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL　IGL醫療福祉專門學校

凡例　Ghi chú　例圖

進学　Học chuyển tiếp　升學

就職など　Làm việc v…　就業等

入　学　Nhập học　入學

日本語学科
Khoa Tiếng Nhật
日語學科

2年制,1.5年制　2 năm,1 năm rưỡi

大学等進学コース
Khóa học dự bị thi chuyển tiếp lên Đại học
報考大學課程

大学・専門学校への進学を考えている方。

Dành cho các học sinh có nguyện vọng thi chuyển tiếp lên các trường Cao đẳng・Đại học.

欲上大學・專門學校者

▶P.5

介護福祉士コース
Khóa học chăm sóc sức khỏe
介護福祉士課程

日本語学科卒業後、IGL医療福祉専門学校介護福祉学科へ入学し、日本の高度な介護知識を習得したい方。

Khóa học dành cho những học sinh sau khi tốt nghiệp Khoa tiếng Nhật, học chuyển tiếp lên Khoa chăm sóc sức khỏe của trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL muốn trang bị kiến thức về chăm sóc sức khỏe ở cấp độ cao của Nhật Bản.

在日語學校畢業後，想進IGL醫療福祉專門學校介護福祉學科，想學習日本的高度介護知識者

▶P.7

国際教養 コミュニケーション学科
Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế
國際教養交流學科

1年制　1 năm

1ランク上の大学・大学院進学を目指す方、実践的なコミュニケーション能力を身に付けたい方。

Dành cho những học sinh muốn nâng cao kỹ năng giao tiếp thực tế, có mục tiêu thi chuyển tiếp lên các trường Đại học, Cao học ở cấp độ cao.

以進入水準以上的大學・研究所為目標，精通實務性的日語溝通能力者

▶P.9

介護福祉学科
Khoa Chăm sóc sức khỏe
介護福祉學科

2年制　2 năm

鍼灸学科
Khoa châm cứu
針灸學科

3年制　3 năm

柔整学科
Khoa Jusei
柔整學科

3年制　3 năm

口腔保健学科
Khoa Chăm sóc răng miệng
口腔保健學科

3年制　3 năm

国家資格取得
Thi lấy chứng chỉ quốc gia
國家資格取得

大学・専門学校等に進学
Học chuyển tiếp lên trường Cao đẳng, Đại học
大學・專門學校等的升學

大学・大学院等に進学
Học chuyển tiếp lên Đại học, Cao học
大學・研究所等的升學

大学に編入学
Học liên thông lên Đại học
編入大學

入管法改正後
介護福祉士として就職
Sau khi luật Nhập cư sửa đổi có thể làm việc được tại Nhật với tư cách là chuyên viên chăm sóc sức khỏe.
入管法改正後
可以作爲介護福祉士就業

日本国内企業・母国日系企業に就職

Làm việc ở các công ty của Nhật tại Nhật・Công ty liên doanh Nhật-Việt tại Việt Nam.
日本國內企業・在自己國家的日系企業就業

日本語学科
Khoa tiếng Nhật
日語學科

大学等進学コース

Khóa học dự bị thi chuyển tiếp lên Đại học
報考大學課程

Message

夢と希望を叶えるために来日する皆さん! 自分が納得するレベルの大学で満足できる学習成果を得るために、日本での生活と大学受験に必要な日本語能力を身につけましょう。

Thân gửi tới các em học sinh tới Nhật để thực hiện ước mơ và nguyện vọng. Hãy cùng trang bị trình độ tiếng Nhật cần thiết để có thể làm quen với cuộc sống sinh hoạt tại Nhật và chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh Đại học, đạt thành tích học tập cao, thi vào các trường Đại học theo đúng nguyện vọng của bản thân.

為了實現夢想和希望的諸位! 進入自己心儀的大學裡,為了得到滿意的學習成果,讓我們學習在日本生活和大學入學測試所必需的日語能力吧!

日本語学科長
Trưởng Khoa tiếng Nhật
日語學科長
細井戸 忠延
Tadanobu Hosoido

入学要件

- 正規の学校教育における12年以上の課程を修了
- 日本語能力N5レベル以上

（詳細は募集要項参照）

Điều kiện nhập học

- Hoàn thành 12 năm quá trình học vấn hệ chính quy trở lên
- Đạt trình độ tiếng Nhật N5 trở lên

(Tham khảo hướng dẫn tuyển sinh để biết thêm chi tiết)

入學條件

- 完成12年以上正規學校教育課程者
- 日語能力考試 N5程度以上 （詳情參考招生要項）

カリキュラム

- 初級 基本的な日本語を身につける
- 中級 日常的な場面で読み書き・会話ができるようになる
- 上級 様々なテーマの文章を読んで、日本語で自分の意見が言えるようになる

Chương trình giảng dạy

- Sơ cấp Trang bị trình độ tiếng Nhật cơ bản
- Trung cấp Có thể đọc, viết, hội thoại trong giao tiếp hàng ngày
- Cao cấp Có thể đọc được nhiều chủ đề của các bài văn và truyền đạt được ý kiến của riêng mình bằng tiếng Nhật.

課程內容

- 初級 學習基礎日語
- 中級 能夠應對日常生活場面的會話・閱讀・寫作
- 高級 能夠閱讀簡易各式各樣的主題文章,用日語表達自己的意見

支援制度

- 便利な分納制度あり
- 成績優秀者への民間奨学金
- 渡日後すぐに生活ができる寮を完備

Chế độ hỗ trợ

- Có chế độ trả góp học phí tiện lợi
- Có thể nhận được học bổng của cách doanh nghiệp dành cho những học sinh có thành tích học tập ưu tú
- Trang bị đầy đủ ký túc xá để học sinh có thể bắt đầu cuộc sống sinh hoạt ngay sau khi tới Nhật

支援制度

- 設有便利的分期付款制
- 給成績優秀者的民間獎學金
- 抵日後馬上有完備的宿舍生活

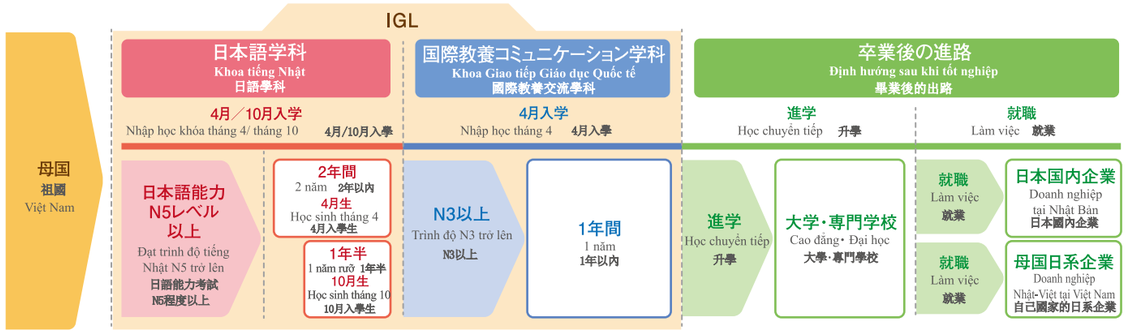

日本語学科の特色

Đặc trưng của Khoa tiếng Nhật
日語學科的特色

進学希望者の国内進学率100%

・個別の進路指導
・学内進学説明会
・日本語能力試験対策授業

Học chuyển tiếp lên các trường tại Nhật theo nguyện vọng đạt tỷ lệ100%

・Hướng dẫn định hướng riêng cho từng cá nhân
・Có các buổi thuyết trình học chuyển tiếp tổ chức ngay tại trường
・Các giờ học chuẩn bị cho kỳ thi năng lực tiếng Nhật

欲升學者,升學率百分之百

・個別的未來出路指導
・升學說明會
・日本語能力試驗對策課程

常勤の外国人スタッフ

中国人、ベトナム人スタッフが常勤しています。空港に着いたときから、学校内のことばかりでなく、アルバイトや、寮生活のことなどもサポート。

Có nhân viên người nước ngoài

Có nhân viên người Việt, người Trung Quốc làm việc tại trường. Sẽ hỗ trợ các học sinh mới tới Nhật không chỉ những khó khăn ở trường mà còn hỗ trợ cuộc sống sinh hoạt trong ký túc xá, giới thiệu việc làm thêm.

專任的外國人職員

聘有中國籍和越南籍的專任職員,從抵達機場開始,無論是學校的事情,打工事宜,還是宿舍生活都進行支援。

寮設備完備

家具・家電を揃えており、インターネット環境も完備しています。女子寮には舎監がいる寮もあります。

Trang bị đầy đủ các thiết bị trong ký túc xá

Trang bị đầy đủ các thiết bị trong ký túc xá như : Đồ điện gia dụng, đồ nội thất, internet… Có nhân viên quản lý trong ký túc xá nữ.

宿舍設備完備

備有家具・家電,網路連線也很完備。有提供舍監的女生宿舍。

アルバイト紹介制度

入学1年目は週28時間のアルバイトを全員に紹介。入学2年目や、早く日本語を上達させたい方には、自分でより良いアルバイトを探して働くためのサポートをします。

Có chế độ giới thiệu việc làm thêm

Nhà trường sẽ giới thiệu việc làm thêm 28h/tuần cho tất cả các học sinh có nguyện vọng trong năm đầu nhập học. Sang năm thứ 2, để tạo tính tự lập cho học sinh nhà trường sẽ hỗ trợ tìm việc làm thêm, có nhiều cơ hội nâng cao trình độ tiếng Nhật nhanh hơn.

打工制度介紹

入學後的第一年,介紹新生一周28小時 以內的打工機會。入學第二年或是自己想要讓日語更快進步者,可以自己尋找更合適的工作,當然學校也會進行指導和支援。

日本語学科
Khoa tiếng Nhật
日語學科

介護福祉士コース

Khóa học chăm sóc sức khỏe
介護福祉士課程

Message

介護福祉士を目指す皆さん! まずは日本語学科でN2取得と高い会話力を身につけることを目標に、よく学んでください。皆さんと介護福祉学科で会える日を楽しみにしています。

Thân gửi tới các bạn muốn trở thành chuyên viên chăm sóc sức khỏe ! Hãy trang bị cho mình khả năng giao tiếp thành thạo, đặt ra mục tiêu thi đỗ chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cấp độ N2 trong quá trình học tại Khoa tiếng Nhật. Chúng tôi đang mong đợi ngày có thể học cùng với các bạn tại Khoa chăm sóc sức khỏe.

以介護福祉士為目標的諸位！ 首先在日語學科以取得日語能力考試N2程度和高級的會話能力為目標，請努力學習。很期待與諸位在介護福祉學科相會的日子。

介護福祉学科長
Trưởng Khoa chăm sóc sức khỏe
介護福祉學科長
森 美香
Mika Mori

入学要件

- 正規の学校教育における12年以上の課程を修了
- 医療系専門学校、短期大学、大学卒業者
- 日本語能力N3レベル以上

(詳細は募集要項参照)

Điều kiện nhập học

- Hoàn thành 12 năm quá trình học vấn hệ chính quy trở lên
- Những bạn đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học hệ 4 năm chuyên ngành về y tế
- Đạt trình độ tiếng Nhật N3 trở lên

(Tham khảo hướng dẫn tuyển sinh để biết thêm thông tin chi tiết)

入學條件

- 完成十二年以上正規學校教育課程者
- 醫療系專門學校、短期大學（兩年）、大學（四年）畢業者
- 日語能力考試 N3程度以上 （詳細參考招生要項）

カリキュラム

- 日本語学科在学時、大学等進学コースと同じ日本語を勉強
- 介護福祉学科在学時、介護福祉士国家資格取得を目指す

Chương trình giảng dạy

- Trong thời gian học tại Khoa tiếng Nhật, các bạn sẽ học tiếng Nhật cùng với các học sinh Khóa dự bị thi chuyển tiếp lên Đại học
- Đặt ra mục tiêu thi đỗ chứng chỉ quốc gia chuyên viên chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tại Khoa chăm sóc sức khỏe

課程內容

- 學習和在日語學科，升上大學等等課程相同的日語
- 在介護福祉學科學習時，以取得介護福祉士國家資格為目標

支援制度

- 便利な分納制度あり
- 成績優秀者への民間奨学金
- 渡日後すぐに生活ができる寮を完備

Chế độ hỗ trợ

- Có chế độ trả góp học phí tiện lợi
- Có thể nhận được học bổng của cách doanh nghiệp dành cho những học sinh có thành tích học tập ưu tú
- Trang bị đầy đủ ký túc xá để học sinh có thể bắt đầu cuộc sống sinh hoạt ngay sau khi tới Nhật

支援制度

- 設有便利的分期付款制
- 給成績優秀者的民間獎學金
- 抵日後馬上有完備的宿舍生活

IGL

母国 祖國 Việt Nam

日本語学科 Khoa tiếng Nhật 日語學科
- 4月／10月入学 Nhập học khóa tháng 4/ tháng 10 4月/10月入學
- 日本語能力N3レベル以上 Đạt trình độ tiếng Nhật N3 trở lên 日語能力考試N3程度以上
- 2年間 2 năm 2年以内 4月生 Học sinh tháng 4 4月入學生
- 1年半 1 năm rưỡ 1年半 10月生 Học sinh tháng 10 10月入學生

国際教養コミュニケーション学科 Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế 國際教養交流學科
- 4月入学 Nhập học tháng 4 4月入學
- N3以上 Trình độ N3 trở lên N3以上 → 1年間 1 năm 1年以内 → N2以上 Trình độ N2 trở lên N2以上
- N2以上 Trình độ N2 trở lên N2以上

介護福祉学科 Khoa Chăm sóc sức khỏe 介護福祉學科
- 4月入学 Nhập học tháng 4 4月入學
- 2年間 2 năm 2年以内 → 介護福祉士資格取得 Thi lấy chứng chỉ chuyên viên chăm sóc sức khỏe 取得介護福祉士資格

卒業後の進路 Định hướng sau khi tốt nghiệp 畢業後的出路
- 進学・就職 Học chuyên tiếp・Làm việc 升學・就業
- 大学編入学後、日本国内企業に就職 Sau khi học liên thông lên Đại học có thể làm việc tại các doanh nghiệp ở Nhật 大學資格取得後，在日本國內企業就職
- 母国日系企業に就職 Làm việc tại các doanh nghiệp Nhật-Việt ở nước sở tại 在自己國家的日系企業就職
- 入管法改正後 Sau khi luật Nhập Cư sửa đổi 入管法改正後 介護福祉士として日本の施設に就職 Có thể làm việc tại các trung tâm dưỡng lão tại Nhật với tư cách là chuyên viên chăm sóc sức khỏe 作爲介護福祉士在日本相關設施就業

介護福祉士とは Chuyên viên chăm sóc sức khỏe là: 介護福祉士是指

日本の国家資格

高齢者・障がい者福祉施設などで専門職に就くために必要な日本の国家資格です。世界一の超高齢社会である日本の取り組みは、高齢化が進んでいるアジア諸国からも注目されています。

Chứng chỉ quốc gia của Nhật

Để có thể làm việc chuyên ngành tại các cơ sở phúc lợi dành cho người khuyết tật, người cao tuổi cần phải có chứng chỉ quốc gia của Nhật Bản. Nhật Bản - quốc gia có dân số già nhất Thế giới hiện đang được các quốc gia trong khu vực Châu Á chú trọng tới xã hội già hóa dân số.

日本的國家資格

在高齡者 身心障礙者的福利設施等單位就職，必須要有日本國家認定資格。居世界第一的超高齡日本社會的處理方式，是正進入高齡化社會的亞洲各國注目的焦點。

介護福祉士の位置づけ

日本の高齢者施設において「介護福祉士」は、病院における看護師に匹敵する重要な任務を担っています。中国・ベトナムなどにおいても、専門スキルを持つリーダーが必要とされています。

Vai trò của chuyên viên chăm sóc sức khỏe

Tại các cơ sở dưỡng lão của Nhật Bản thì chuyên viên chăm sóc sức khỏe cũng đảm nhiệm vai trò quan trọng ngang bằng với các nhân viên y tá làm việc tại bệnh viện. Việt Nam và Trung Quốc cũng đang rất cần những chuyên viên tiên phong trong lĩnh vực chuyên môn này.

介護福祉士的重要性

在日本的高齡者設施的「介護福祉士」是和醫院中的看護師一樣擔任重要的任務。持有專門技術的領導者，在中國 越南等等國家也是一樣有必要性。

介護福祉士の可能性

人材不足に悩む日本の高齢者施設では、海外の人材を登用する必要性が高まり、制度化が進む見通しです。特に、高い日本語能力と国家資格を有する優秀な人材は、優遇される可能性が高まるでしょう。

Tính khả thi của chuyên viên chăm sóc sức khỏe

Tại các cơ sở dưỡng lão của Nhật Bản hiện đang phải đối đầu về vấn đề thiếu nguồn nhân lực, các chế độ cũng đang được cải thiện dần và khả năng nhận nguồn nhân lực từ nước ngoài vào sẽ tăng lên.

介護福祉士的可能性

在日本的高齡者設施單位，人才不足的煩惱，採用外國的人才的必要性增加，進而促進制度化。特別是擁有高級日語能力和國家資格的優秀人才，優渥待遇的可能性應該很高吧！

国際教養コミュニケーション学科

Khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế

國際教養交流學科

日本語力、コミュニケーション能力をさらに高め、
1ランク上の大学・大学院進学を目指す

Dành cho những học sinh có mục tiêu nâng cao trình độ tiếng Nhật, khả năng giao tiếp, chuẩn bị cho thi chuyển tiếp lên các trường Đại học, Cao học ở cấp độ cao

高級的日語能力、溝通能力，考上水準以上的大學・大學院為目標

Message

目標を持って希望の進路に進むには、日本語力以外にも広い意味でのコミュニケーション能力や論理的思考能力が必要です。多彩な授業で能力をさらに高め、自らの手で夢を掴みましょう!

Để tiến tới mục tiêu và nguyện vọng của bản thân, ngoài tiếng Nhật thì bạn cần phải có thêm kỹ năng giao tiếp cũng như khả năng tư duy logic. Hãy nắm lấy ước mơ trong tầm tay của mình bằng cách nâng cao hơn nữa năng lực tiếng Nhật trong nhiều giờ học đa dạng !

鎖定目標，對未來升學課程的期待，除了日語能力外，溝通能力，還有邏輯思考能力等等都必需要具備。本學科的多元化課程讓你的能力大大地提高，親自捕捉自己的夢想吧！

国際教養コミュニケーション学科長
Trưởng khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế
國際教養交流學科長

宮道 いつか
Itsuka Miyado

入学要件

- 日本国内の日本語教育機関を卒業見込みの者、又は6ヶ月以上在籍している者（短期滞在を除く）
- 日本語能力N3レベル以上　（詳細は募集要項参照）

Điều kiện nhập học

- Những đối tượng chuẩn bị tốt nghiệp, hoặc đang có thời gian học trên 6 tháng ở trường tiếng Nhật tại Nhật. (Ngoại trừ cư trú ngắn hạn)
- Trình độ tiếng Nhật N3 trở lên

(Tham khảo hướng dẫn tuyển sinh để biết thêm thông tin chi tiết)

入學條件

- 日本國內的日語教育機關的畢業預定生，或在籍6個月以上者（短期滯在除外）。
- 日語能力考試 N3程度以上　（詳細的招生參考要項）

カリキュラム

- 高い日本語力を身に付ける
- 大学生活において必要なアカデミックスキルを習得する
- 豊かなコミュニケーション能力を養う

Chương trình giảng dạy

- Học tiếng Nhật ở trình độ cao
- Học hỏi kỹ năng lý thuyết sống cần thiết khi học Đại học
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp phong phú

課程內容

- 精通高級日語
- 學習在大學生活中必要的學術用技能
- 培養豐富的溝通能力

支援制度

- 便利な分納制度あり
- 個別の進路指導
- 留学生支援に長けた不動産業者紹介

Chế độ hỗ trợ

- Có chế độ trả góp học phí tiện lợi
- Hướng dẫn định hướng riêng cho từng cá nhân
- Giới thiệu đại lý bất động sản uy tín cho học sinh

支援制度

- 設有便利的分期付款制
- 個別的未來出路指導
- 爲留學生介紹優質的不動產業者

国際教養コミュニケーション学科の特色

Đặc trưng của khoa Giao tiếp Giáo dục Quốc tế

國際教養交流學科的特色

大学（院）進学のための様々な授業

・アカデミックジャパニーズ
・キャリア教育
・小論文指導
・コミュニケーション演習

Có đa dạng những giờ học để chuẩn bị cho thi chuyển tiếp lên Đại học（Cao học）

・Academic Japanese
・Giáo dục hướng nghiệp
・Hướng dẫn viết bài luận nhỏ
・Luyện tập giao tiếp

為考入大學或大學院而準備的多種課程

・學術用日語　・升學指導
・小論文指導　・溝通交流練習

*アカデミックジャパニーズ・・・日本の大学での勉強や生活に対応できる日本語のこと。
*Academic Japanese・・・Là trình độ tiếng Nhật có thể đáp ứng được trong cuộc sống sinh hoạt và trong việc học tập ở trường Đại học
*學術用日語・・・是指在日本的大學就讀使用的日語，還有在日本生活可應對的日語

多彩な授業で、高い会話力、考える力を養う

グループワークやプレゼンテーション、校外活動での実践的な学びを通して、視野を広げ、様々な技術・考え方を身に付けることで、日本語で自らの意見を表現し、円滑な人間関係を築く力を養う。

Với đa dạng các giờ học, rèn luyện nâng cao kỹ năng đàm thoại, kỹ năng ứng xử cho học sinh

Thông qua các giờ học thực tiễn như thuyết trình, thảo luận theo nhóm, hoạt động ngoại khóa sẽ giúp học sinh mở rộng tầm nhìn, trang bị cách suy luận, kỹ năng giao tiếp trong mọi hoàn cảnh. Có thể đưa ra ý kiến của bản thân bằng tiếng Nhật, rèn luyện kỹ năng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh.

多元化的課程，培養高級會話能力及思考力

透過團體任務、成果發表或是藉由校外活動實際性的學習，擴展視野。多樣化的技術，學習思考力，用日語表達自己的意見，培養建立圓滑的人際關係。

日系企業等への就職にも有利

・時事研究　・日本文化
・コミュニケーション演習

Thuận lợi khi làm việc tại các doanh nghiệp Nhật - Việt

・Nghiên cứu thời sự
・Văn hóa Nhật Bản
・Luyện tập giao tiếp

對在日系企業等就職也很有利

・時事研究　・日本文化　・溝通交流演練

充実した試験対策

・日本語能力試験（N1・N2取得）
・日本留学試験（300点以上取得）

Đa dạng hình thức luyện thi

・Kỳ thi năng lực tiếng Nhật（đạt trình độ N1,N2）
・Kỳ thi du học（đạt 300 điểm trở lên）

充實的考試對策課程

・日語能力考試（目標是考取 N1,N2）
・日本留學考試（目標是考取 300分以上）

必要な科目を選んで学べる

・英語（TOEIC）　・数学　・理科
・漢字　・総合科目　・コンピュータ

Lựa chọn môn học cần thiết

・Tiếng Anh(TOEIC)　・Toán học
・Khoa học tự nhiên
・Kanji　・Môn tổng hợp　・Tin học

可選擇所需科目進行學習

・英語測驗（托益）　・數學　・理科
・漢字　・綜合科目　・電腦

キャンパスライフ

Khuôn viên cuộc sống 校園生活

…日本語学科のみ
Dành riêng cho khoa tiếng Nhật
只用於日本語學科

EVENT SCHEDULE

Lịch trình, sự kiện 行事暦

Apr 4
- 入学式
- 健康診断

Lễ nhập học
Khám sức khỏe
開學典禮
健康診斷

May 5
- 学科内交流会
- 着物体験

Giao lưu trong cùng khoa
Mặc Kimono
學科內部聚會
和服體驗

Jun 6
- 日本留学試験
- 球技大会

Kỳ thi du học
Đại hội bóng bàn
日本留學試驗
球賽

Jul 7
- 日本語能力試験
- 校内進学説明会
- 夏休み

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật
Hội thảo học chuyển tiếp trong trường
Nghỉ hè
日本語能力試驗
校內升學說明會
暑假

Aug 8
- 入学式
- 歓迎会食
- 健康診断
- 学科内交流会
- 学外進学説明会

Lễ nhập học
Tiệc chào đón
Khám sức khỏe
Giao lưu trong cùng khoa
Hội thảo học chuyểntiếp ngoài trường
開學典禮
迎新會
健康診斷
學科內部聚會
校外升學說明會

Sep 9

Oct 10

Nov 11
- 日本留学試験
- 学園祭

Kỳ thi du học
Lễ hội trường
日本留學試驗
學園祭

Dec 12
- 日本語能力試験
- 冬休み

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật
Nghỉ đông
日本語能力試驗
寒假

Jan 1
- 工場見学
- 校内スピーチコンテスト

Thăm quan công trường
Thi hùng biện trong trường
戶外教學
校內演講比賽

Feb 2

Mar 3
- 卒業式
- 春休み

Lễ tốt nghiệp
Nghỉ đông
休業式
春假

Message

Student's Voice

日本語学科 日語學科
Khoa tiếng Nhật

スウ コンコン
ZON KUNKUN 鄒 琨琨

2014年N1取得
Thi đỗ N1 năm 2014
2014 年取得N 1

IGLは指導経験豊富な先生が、日本に来た時から勉強はもちろん生活面も熱心に指導してくれる、とても良い学校です。日本への留学を考えているみなさん、しっかり日本語と日本の文化・習慣を学べるIGL医療福祉専門学校への入学をお勧めします。

IGL có đội ngũ giáo viên dày dặn kinh nghiệm hướng dẫn một cách nhiệt tình không chỉ trong việc học mà còn cả trong cuộc sống sinh hoạt, đây là một ngôi trường tuyệt vời. Đối với các bạn đang ấp ủ ước mơ du học Nhật Bản, tôi khuyên các bạn đến học tại trường chuyên môn phúc lợi IGL nơi mà các bạn có thể học hỏi phong tục và văn hóa của Nhật, trao dồi tiếng Nhật.

IGL聘有教學經驗豐富的師資，來日本學習老師當然會指導課業，在生活方面也會熱心指導，是所非常優良的學校。來日本學習的諸位，想要學習精準的日語和日本文化・習慣，建議大家至IGL醫療福祉專門學校就讀。

日本語学科 日語學科
Khoa tiếng Nhật

レー ミン アイン
Lê Minh Anh

2015年N2取得
Thi đỗ N2 năm 2014
2015 年取得N2

IGLは学生のレベルにあったカリキュラムを組んでくれるので、日本でしっかりと日本語を学びたい学生、自分を磨きたい学生にぴったりの学校です。外国人スタッフが生活面をサポートしてくれるし、初めて日本に来た学生にはアルバイトを紹介してくれるので、留学生にとって心強いです。

IGL thiết lập chương trình giảng dạy phù hợp với trình độ của từng học sinh, vì vậy những bạn muốn học tiếng Nhật tại Nhật, muốn rèn luyện bản thân thì đây là ngôi trường phù hợp nhất. Nhà trường có nhân viên phụ trách người nước ngoài, hỗ trợ du hoc sinh trong cuộc sống sinh hoạt, hơn nữa khi mới tới Nhật còn giới thiệu việc làm thêm nên du học sinh rất an tâm với cuộc sống du học Nhật Bản.

IGL配合學生程度設計課程，是想在日本認真學習，磨練自己的學生，最適合的學校。聘有外國人職員幫忙打理生活方面的問題。還有對於首次來到日本的學生，會幫忙介紹打工，讓留學生很放心。

OG's Voice

日本語学科 日語學科
Khoa tiếng Nhật

グエン ティ タム
Nguyễn Thị Tâm

広島国際学院大学進学
Học trường Học viện quốc tế Hiroshima
考上廣島國際學院大學

広島の街は住みやすく、人がとても優しいです。先生方はいつも丁寧に日本語を教えてくれて、病気になったときも親のように心配して、見守ってくれます。

日本人も同じ校舎で勉強しているので、日本人と会話ができるのがとても楽しいです。一生懸命勉強して、希望の進路を実現してください。

Hiroshima là thành phố dễ sống, con người nơi đây rất thân thiện. Các thầy cô giáo luôn dõi theo, lo lắng cho tôi như bố mẹ ruột mỗi khi đau ốm, chỉ bảo cho tôi tiếng Nhật rất chu đáo. Tôi rất vui vì có thể giao lưu cùng với người Nhật chung dưới một mái trường. Các bạn hãy học tập chăm chỉ để có thể thực hiện định hướng theo đúng nguyện vọng của các bạn.

廣島住家便利，居民非常親切。教師們也會一直耐心的教授日語。生病時像自己的雙親一樣擔心，守護照顧。和當地日本人在同所學校一起研讀，與日本人的對話非常有趣。努力認真的學習，實現考取希望中的大學。

日本人との交流

Giao lưu với các bạn Nhật
與日本人的聚會

▲ バディ制度
Chế độ Buddy 夥伴制度

▲ ランチ交流会
Giao lưu bữa ăn trưa 午餐聚會

日本人とパートナーになって、日本語を使って自由に活動をします。メールをしたり、一緒にご飯を食べたり、日本人と国際交流ができます。また、毎月色々な学科の学生とランチ交流会もしています。

Cùng tham gia là học sinh người Nhật, sử dụng tiếng Nhật để tham gia các hoạt động một cách tự do.Trao đổi qua e-mail và cùng nhau ăn uống, có thể giao lưu cùng với các học sinh người Nhật. Ngoài ra, hàng tháng còn có các buổi giao lưu bữa ăn trưa cùng với các bạn ở nhiều khoa khác.

和當地的日本人成為夥伴關係，使用日語參與活動。發送電子郵件，一起用餐，跟日本人溝通交流。還有，每個月也可以跟各學科的學生用餐交流。

学外での実践授業

Giờ học ngoại khóa
校外的實用課程

授業で学んだことを、実際の生活の場面で活かすための校外授業を実施しています。

Thực hiện các giờ học ngoại khóa với mục đích mang những kiến thức học ở trường vận dụng vào cuộc sống sinh hoạt thực tế.

在課堂所學習的內容，實際生活中的場面運用，實施校外教學的活用性。

施設紹介

Giới thiệu cơ sở vật chất
設施介紹

コンピュータ室

Phòng máy tính 電腦教室

充実したコンピュータ施設があり、授業を通してコンピュータ技術を学ぶことができます。

Với trang thiết bị hiện đại, học sinh có thể nâng cao kỹ năng tin học thông qua các giờ học.

電腦設施完善，可透過電腦技能學習課程。

図書室

Thư viện 圖書館

各種図書を取り揃えており、貸出制度も完備し、学生の皆さんを支援します。

Để hỗ trợ cho việc học tập của học sinh, nhà trường đã trang bị thư viện có nhiều tài liệu, sách đọc…và có chế độ cho học sinh mượn sách.

備有各種圖書，支援學生借用。

ごあいさつ

Lời chào　介紹詞

理事長メッセージ

Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị　理事長致詞

国際平和文化都市・広島において、教育・医療・福祉の60余りの学校・施設・事業所で構成されているIGLグループは乳幼児から高齢者にいたる理想郷づくりを目指しています。その基盤はホスピタリティと深い人間愛。当校で身につけた日本語と日本の「もてなしのこころ」を財産として、世界規模で活躍する新しい時代のリーダーに育って頂きたいと願っております。

Tập đoàn IGL chúng tôi có trên 60 cơ sở bao gồm trường học, viện dưỡng lão, nhà trẻ… nằm tại thành phố Hiroshima-thành phố văn hóa hòa bình Thế giới. Mục đích của chúng tôi là xây dựng một môi trường lý tưởng cho con người bắt đầu từ khi còn là trẻ thơ cho tới khi tuổi già. Đó là nền tảng thể hiện tình yêu thương nhân loại và sự thấu hiểu giữa hai trái tim. Tại trường chúng tôi các em sẽ được rèn luyện tiếng Nhật, được nuôi dạy tấm lòng nhân ái của con người Nhật Bản. Tôi mong muốn các em sẽ trở thành những người tiên phong trong thời đại mới, đóng góp công sức của mình cho sự phát triển của Thế giới.

在國際和平文化都市•廣島市，開設了教育•福祉•醫療六十處以上的學校•設施事務所的IGL集團。是以殷勤款待和深切的慈愛為基礎，建造從嬰幼兒到老年人的理想城市為目標。用在本校學習的日語和日本人的「殷勤款待精神」為特色，期待能教育出在具有世界規模活躍的新一代領導者。

Kengo Nagami

理事長 Chủ tịch hội đồng quản trị 理事長　**永見憲吾**

IGLグループ

Tập đoàn IGL　IGL 集團

IGL医療福祉専門学校を始めとする教育、福祉、医療施設などのネットワークを通じて地域社会に奉仕することを使命とし、より良いサービスを目指しています。留学生のみなさんに、このIGLグループの組織力を活かした学びの場を提供します。

Chúng tôi thành lập trường Chuyên môn phúc lợi y tế IGL với mục tiêu đem đến những dịch vụ tốt nhất phục vụ cho cộng đồng địa phương thông qua mạng lưới phức hợp bao gồm các cơ sở y tế, phúc lợi, giáo dục. Chúng tôi sẽ cung cấp cho các bạn du học sinh môi trường học tập tốt nhất dựa trên sức mạnh mang tính hệ thống, tổ chức của tập đoàn IGL.

由IGL醫療福祉專門學校為首的教育•福祉•醫療等設施所構成的集團網絡，
肩負著回報社會的使命，以優質服務為目標。
運用IGL集團的組織力為留學生們提供更好的學習場所。

Introduction

二つの世界遺産を持つ国際都市・広島

Hiroshima-Thành phố Hòa Bình có 2 di sản văn hóa Thế giới
擁有兩處世界遺產的國際都市•廣島

世界で最初に原子爆弾が落とされた広島は、その後見事復興し、中国四国地方で最大の都市となりました。今では平和をアピールする存在として世界中に知られています。地方都市ならではの豊かな自然環境に恵まれ、生活コストも大都市と比べて低めです。一方で、都市としての機能を十分に揃えており、暮らしやすく、学びやすい街です。

Quả bom nguyên tử đầu tiên trên Thế gới bị thả xuống thành phố Hiroshima, trải qua quá trình phục hưng đã trở thành thành phố lớn nhất khu vực Chugoku. Hiện nay, Hiroshima được cả Thế giới biết đến như một sự hiện diện kêu gọi hòa bình. Hiroshima-thành phố may mắn với môi trường thiên nhiên phong phú, với mức chi phí sinh hoạt rẻ hơn so với thành phố lớn. Mặt khác, đây còn là thành phố có đầy đủ các tính năng cần thiết thuận tiện cho việc sinh sống và học tập.

廣島作為世界上最初經歷原子彈爆炸的城市，已經成功地完成了復興，成為在中國、四國地方最大的都市。如今廣島市是強調和平存在的城市而被全世界所認識。廣島除了擁有都會地方所獨有的豐富的自然環境以外，生活所需費用也遠遠低於大城市。另一方面，都市的生活機能都一應具全，是非常適合生活學習的城市。

暮らしやすい街・広島

Hiroshima-thành phố dễ sinh sống
適宜居住的城市·廣島

気候、気温など

学校がある広島市内は、気候が穏やかで過ごしやすく、四季の変化が楽しめる地域です。

Khí hậu, nhiệt độ
Trường học của chúng tôi nằm trong thành phố Hiroshima. Là khu vực có thể thưởng thức sự thay đổi của bốn mùa, khí hậu ôn hòa, dễ sinh sống.

氣候，溫度等
位於廣島市內的學校，氣候穩定，適宜居住，可以享受四季變化樂趣的地方。

生活費の安さ

1カ月の生活費は、東京などの都市圏や全国平均と比べて安い！

Mức chi phí sinh hoạt thấp
Chi phí sinh hoạt hàng tháng rẻ hơn so với mức giá trung bình của các thành phố lớn trên toàn quốc như Tokyo…

便宜的生活費
一個月的生活費，比起東京等全國都市圈的平均生活費低。

広島の気候
Khí hậu của Hiroshima
廣島的氣候

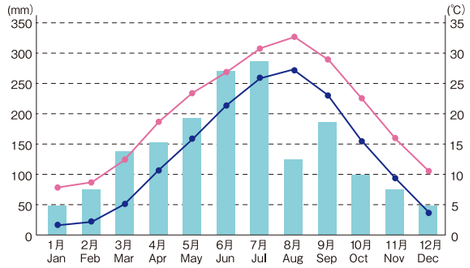

気象庁調べ（1971～2000年までの平均値）
Cơ quan kiểm tra khí tượng
(Trị số bình quân từ năm 1971 đến năm 2000)
氣象局調查（西元1971～2000年的氣溫平均值）

外国人留学生の地域別1カ月の生活費
Mức phí sinh hoạt một tháng của du học sinh nước ngoài tại các khu vực
不同區域的外國人留學生一個月的生活費

単位（円）
Đơn vị (yên)
單位（日元）

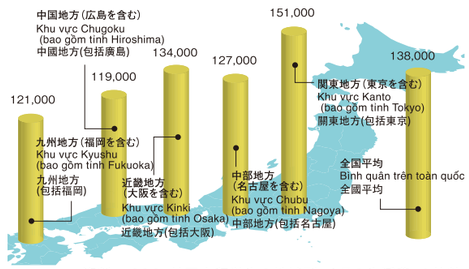

資料JASSO「外国人留学生の地域別1カ月の生活費」の抜粋
Trích tài liệu của Jasso
「Mức phí sinh hoạt một tháng của du học sinh người nước ngoài tại các khu vực.」
資料（JASSO「不同區域的外國人留學生一個月的生活費」之摘錄）